

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM THEO HƯỚNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

TRẦN HỒNG MINH*
NGÔ VĂN GIANG**
NGUYỄN HƯƠNG GIANG***

Có thể nói, lịch sử phát triển của nhân loại là lịch sử phát triển của tri thức; nền văn minh ngày nay là thành quả của quá trình tích lũy và kế thừa tri thức qua các thời đại. Ngày nay, các quốc gia trên thế giới càng ý thức được giá trị và tầm quan trọng của các sản phẩm do trí tuệ con người tạo ra, do đó đã không ngừng nỗ lực khuyến khích các hoạt động sáng tạo và bảo vệ thành quả của nó bằng nhiều biện pháp, trong đó có luật pháp.

Việt Nam đang trong quá trình đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường, hội nhập sâu và rộng vào nền kinh tế thế giới và hướng tới kinh tế tri thức. Vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) được Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành và toàn xã hội ngày càng quan tâm. Trong những năm qua, hệ thống pháp luật về quyền SHTT đã không ngừng được hoàn thiện mà nổi bật là sự ra đời của Luật SHTT năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Hệ thống pháp luật này đã từng bước đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, phát huy tác dụng tích cực, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước tuy vẫn còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Bài viết này phân tích khái quát thực trạng hệ thống pháp luật về quyền SHTT ở Việt Nam, so sánh với Hiệp định về các khía cạnh liên

quan đến thương mại của quyền SHTT (TRIPS) của WTO, từ đó, đề xuất một số giải pháp đổi mới hệ thống này theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

1. Thực trạng pháp luật bảo hộ quyền SHTT so sánh với Hiệp định TRIPS

1.1. Về ban hành văn bản pháp luật

Cho đến trước khi Luật SHTT được ban hành (tháng 11/2005), hệ thống pháp luật SHTT của Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được hai chuẩn mực của TRIPS là "tính đầy đủ" và "tính hiệu quả". Các quy định về SHTT nằm rải rác, tản mạn trong nhiều văn bản khác nhau, phần lớn trong các văn bản quy phạm dưới luật với hiệu lực thực thi thấp, và tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn. Cụ thể, những quy định về bảo hộ quyền SHTT chủ yếu được đề cập đến trong Bộ luật Dân sự và một số nghị định của Chính phủ. Các quy định này chủ yếu là các nguyên tắc cơ bản và các quy định liên quan đến khía cạnh

* Trần Hồng Minh, Thạc sỹ Kinh tế, Phó giám đốc Trung tâm Thông tin - Tư liệu, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương.

** Ngô Văn Giang, Thạc sỹ Kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

*** Nguyễn Hương Giang, Trung tâm Thông tin - Tư liệu, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương.

dân sự của quyền SHTT, chưa có quy định về thủ tục hành chính, nhất là thủ tục xác lập và bảo hộ quyền SHTT. Ngoài ra, hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền SHTT của Việt Nam còn thiếu những nội dung quan trọng được quy định trong Hiệp định TRIPs như tín hiệu về tính mang chương trình được mã hóa, các chủng vi sinh,...

Bên cạnh đó, nội dung thực thi quyền SHTT được đánh giá là một trong những điểm yếu nhất của hệ thống pháp luật về quyền SHTT của Việt Nam, và không phù hợp với Phần III về "Thực thi quyền SHTT" của TRIPs (từ Điều 41 đến Điều 61).

Luật SHTT đã khắc phục cơ bản những hạn chế nêu trên, cụ thể là đã thống nhất các quy định về bảo hộ quyền SHTT có trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, quy định đầy đủ các đối tượng của quyền SHTT, quy định về thực thi quyền SHTT,... theo hướng phù hợp với Hiệp định TRIPs. Tuy nhiên, so với các chuẩn mực của Hiệp định, Luật SHTT vẫn còn một số điểm chính chưa hoàn toàn tương thích.

Thứ nhất, Luật SHTT đã đề ra các nguyên tắc có tính chất tự vệ nhằm bảo vệ quốc phòng, an ninh, phòng bệnh, chữa bệnh, đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội và hoạt động mang tính phi thương mại vì mục đích cộng đồng như: hạn chế và chống lạm dụng quyền SHTT; quyền nhân danh Nhà nước sử dụng sáng chế; điều kiện bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng đối với sáng chế. Những quy định như vậy là cần thiết nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia trước sức ép của các cường quốc trong quá trình hội nhập, tuy nhiên, nhìn chung, chúng chưa hoàn toàn tương thích với các quy định của Hiệp định TRIPs.

Thứ hai, những quy định về thực thi quyền SHTT trong Chương XVI, Phần V của Luật chưa đáp ứng được các yêu cầu của Hiệp định TRIPs về "nguyên tắc thực thi quyền SHTT", mới chỉ định ra những quy định chung về bảo vệ quyền SHTT và coi đó là những "nguyên tắc thực thi quyền SHTT".

Thứ ba, mặc dù Bộ luật Dân sự năm 2005 đã rút bớt khá nhiều điều khoản so với Bộ luật Dân sự năm 1995, chỉ giữ lại những quy định về nguyên tắc xác lập quyền SHTT và giao dịch dân sự về SHTT, tuy nhiên, vẫn tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến sự mâu thuẫn, chồng chéo giữa hai đạo luật, đặc biệt là giữa các quy định của các văn bản hướng dẫn thi hành luật.

Thứ tư, Luật SHTT quy định ba cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo hộ quyền SHTT, bao gồm Bộ Khoa học và Công nghệ (chủ trì, phối hợp trong quản lý, thực hiện quản lý về quyền sở hữu công nghiệp), Bộ Văn hoá - Thông tin (về quyền tác giả và quyền liên quan), và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (về giống cây trồng); tuy nhiên, vẫn chưa xác định rõ mối quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương với chính quyền địa phương, giữa cơ quan chuyên môn với các cơ quan thực thi, giữa hoạt động thanh tra chuyên ngành SHTT với công an, hải quan, quản lý thị trường... Điều này dễ làm phát sinh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm hoặc chồng chéo về thẩm quyền giải quyết, và khó có thể khắc phục được tình trạng yếu kém về quản lý nhà nước vốn đã tồn tại từ lâu.

1.2. Về hiệu lực thực thi

Hoạt động đăng ký xác lập quyền SHTT đã có các bước phát triển đáng kể, kể cả đối với quyền sở hữu công nghiệp và quyền tác giả. Trong bối cảnh nền kinh tế đang phát triển theo định hướng thị trường và hội nhập kinh tế như Việt Nam, thì những bước phát triển đó là chưa tương xứng và còn nhiều hạn chế.

Thứ nhất, số lượng đơn đăng ký xác lập quyền SHTT cũng như số bằng độc quyền và giấy chứng nhận được cấp cho các chủ thể quyền SHTT trong nền kinh tế còn quá nhỏ bé trong một đất nước có hơn 80 triệu dân và hơn 200 nghìn doanh nghiệp (Bảng 1). Bên cạnh đó, số đơn đăng ký xác lập quyền SHTT và số bằng bảo hộ được cấp cho các chủ thể quyền là người Việt Nam còn thấp trong mối tương quan so sánh với người nước ngoài, chủ yếu do: (1) Trình độ

khoa học và công nghệ của Việt Nam còn thấp, hoạt động nghiên cứu và triển khai có hiệu quả cũng thấp; (2) Trình độ hiểu biết về quyền SHTT của các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là các tổ chức nghiên cứu và triển khai, các doanh nghiệp,... còn hạn chế, chưa ý thức được quyền lợi của mình khi đăng ký bảo hộ quyền SHTT; (3) Cơ chế thị trường chưa tác động đủ mạnh đến hoạt động nghiên cứu và triển khai, đổi mới công nghệ

để từ đó tạo ra nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền SHTT; (4) Hệ thống các quy định pháp luật về đăng ký xác lập quyền SHTT còn nhiều bất cập về cấu trúc văn bản pháp luật và thủ tục đăng ký xác lập quyền; (5) Ngoài chức năng quản lý nhà nước, Cục Sở hữu Trí tuệ và Cục Bản quyền tác giả Văn học - Nghệ thuật còn phải hoàn thành một khối lượng lớn các công việc để đảm bảo sự phát triển SHTT và các dịch vụ công.

Bảng 1: Đăng ký quyền SHTT Việt Nam giai đoạn 1995-2005

SHTT	Người nộp đơn Việt Nam	Người nộp đơn nước ngoài	Tổng số	Người nộp đơn Việt Nam	Người nộp đơn nước ngoài	Tổng số
Sáng chế	666	12.799	13.465	117	5.091	5.208
Giải pháp hữu ích	632	494	1.126	191	193	384
Kiểu dáng công nghiệp	9.879	2.220	12.099	5.760	1.136	6.896
Nhãn hiệu hàng hoá	55.441	34.365	89.806	30.056	24.087	54.143
Tổng	66.618	49.878	116.496	36.124	30.507	66.631

Nguồn: Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam (2006).

Thứ hai, Việt Nam hiện nay được đánh giá là quốc gia có mức độ vi phạm quyền SHTT cao trên thế giới. Vi phạm xảy ra ở hầu hết các lĩnh vực, liên quan đến nhiều loại hàng hoá, dịch vụ và chủ thể trong xã hội, gây ra tác hại không nhỏ đối với môi trường kinh doanh, ảnh hưởng tiêu cực đến lợi ích của các chủ thể quyền SHTT bị vi phạm, của Chính phủ và của người tiêu dùng, gây cản trở sự phát triển của một số ngành, lĩnh vực...; thậm chí, trong không ít trường hợp, vi phạm quyền SHTT còn gây ra hiểm họa đối với sức khỏe của nhân dân và sự an toàn xã hội. Trong khi đó, việc phát hiện và xử lý vi phạm đạt hiệu quả rất thấp, chỉ khoảng 10-20% số vụ vi phạm bị phát hiện, trong đó không quá 1%¹ được xử lý triệt để. Số vụ vi phạm quyền SHTT được mang ra giải quyết tại toà án là không đáng kể, trong khi số tiền phạt hành chính quá nhỏ. Nguyên nhân chủ yếu là do: (1) những yếu kém của hệ thống các quy định pháp luật về bảo hộ quyền SHTT của Việt Nam; (2) hiệu lực

thực thi thấp của hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền SHTT một phần xuất phát từ những yếu kém của hệ thống các quy định pháp luật về bảo hộ quyền SHTT và một phần xuất phát từ năng lực và kinh nghiệm hạn chế của các cơ quan thực thi pháp luật: (3) mức độ xử phạt vi phạm quyền SHTT quá nhẹ, không có tác dụng răn đe, và người vi phạm sẵn sàng vi phạm để có lợi nhuận cao; và (4) ý thức chấp hành luật pháp của các cơ quan, đơn vị và người dân còn hạn chế.

2. Quan điểm đổi mới hệ thống pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ theo hướng hội nhập quốc tế

Việt Nam đã trở thành thành viên của WTO sau chặng đường hơn 11 năm chuẩn bị. Để gặt hái được thành quả này, Việt Nam đã có những nỗ lực vượt bậc trong mọi lĩnh vực, trong đó có việc đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền SHTT. So với Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ

(Hiệp định TRIPs), hệ thống luật pháp về quyền SHTT của Việt Nam về cơ bản đã đáp ứng được các tiêu chí đề ra. Đặc biệt, bằng việc thông qua Luật SHTT 2005, hệ thống bảo hộ quyền SHTT của Việt Nam giờ đây đã tương đối phù hợp với các quy định trong khuôn khổ Hiệp định TRIPs. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, hiệu lực thực thi quyền SHTT ở Việt Nam còn yếu, và đó cũng chính là bất cập lớn nhất trong hệ thống bảo hộ quyền SHTT. Chính vì vậy, ngay cả khi Việt Nam đã trở thành thành viên WTO, quá trình đổi mới và hoàn thiện cơ chế điều chỉnh pháp luật về bảo hộ quyền SHTT vẫn phải tiếp tục và phải là một quá trình thường xuyên. Căn cứ vào thực trạng cũng như triển vọng dài hạn của nền kinh tế, Việt Nam cần có các biện pháp khắc phục những điểm thiếu sót trong hệ thống pháp luật về quyền SHTT, đặc biệt là trong lĩnh vực cưỡng chế thực hiện, đồng thời có các chiến lược khai thác những lợi thế mà việc bảo hộ quyền SHTT thông qua Hiệp định TRIPs đem lại.

2.1. Đảm bảo tính hiệu quả của hệ thống pháp luật về quyền SHTT

Với nỗ lực tìm kiếm cơ hội mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với toàn thế giới, Việt Nam không thể nằm ngoài WTO và đương nhiên, việc tuân thủ các quy định của WTO nói chung cũng như các quy định của Hiệp định TRIPs nói riêng về bảo hộ quyền SHTT là một yêu cầu bắt buộc. Bằng việc ban hành Luật SHTT 2005, và một số quy định pháp luật nằm rải rác trong các bộ luật khác, hệ thống pháp luật về SHTT của Việt Nam đã khá đầy đủ theo yêu cầu của Hiệp định TRIPs. Tuy nhiên, để các quy định về quyền SHTT đi vào cuộc sống thì vấn đề là phải thực thi có hiệu quả các quy định đó. Và đây cũng chính là một yêu cầu cốt yếu khác mà Hiệp định TRIPs đòi hỏi các nước thành viên WTO phải thực hiện. Thực thi nghiêm túc quyền SHTT một mặt đáp ứng được các yêu cầu của Hiệp định TRIPs, mặt khác còn mang lại những lợi ích cho Việt Nam trong việc thúc đẩy sự phát triển khoa

học và công nghệ trong nước, tạo môi trường thuận lợi hơn để thu hút thêm nhiều nhà đầu tư nước ngoài.

Tuy nhiên, chính vấn đề thực thi lại là một điểm yếu lớn nhất của hệ thống pháp luật về quyền SHTT của Việt Nam, do nhiều nguyên nhân khác nhau. Đây chính là điểm không tương thích lớn nhất của hệ thống pháp luật về quyền SHTT của Việt Nam so sánh với Hiệp định TRIPs, là điểm yếu cơ bản trong hệ thống bảo hộ quyền SHTT ở Việt Nam. Điều đó tiềm ẩn nguy cơ lớn khi Việt Nam gia nhập vào hệ thống thương mại toàn cầu. Khi đã là thành viên của WTO, cũng giống như bất kỳ các thành viên khác, Việt Nam có trách nhiệm bảo hộ các tài sản trí tuệ của các tác nhân nước ngoài. Do vậy, nếu phía Việt Nam có bất cứ vi phạm từ cá nhân hay tổ chức nào đều có thể dẫn đến việc chủ thể quyền nước ngoài yêu cầu chính quyền của họ kiện Việt Nam trước cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO². Và tất nhiên, hậu quả lúc đó là rất nặng nề không những về phương diện kinh tế mà còn ảnh hưởng tới uy tín của Việt Nam nói chung. Bên cạnh đó, nếu Việt Nam không nâng cao được năng lực thực thi bảo hộ quyền SHTT thì sẽ dẫn đến tình trạng các nhà đầu tư sẽ hạn chế hoặc chuyển luồng đầu tư ra khỏi Việt Nam, làm ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường đầu tư của đất nước. Chính vì vậy, một khuôn khổ pháp luật tốt, song hành cùng một hệ thống thực thi đồng bộ và tương thích là một yêu cầu bức thiết đặt ra để đảm bảo hoàn thiện môi trường đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam trong giai đoạn hội nhập kinh tế ngày càng sâu và rộng hơn.

2.2. Gắn vấn đề bảo hộ quyền SHTT với việc bảo vệ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Các chính sách về quyền SHTT có liên quan chặt chẽ tới các vấn đề kinh tế và phát triển, chứ không chỉ mang yếu tố luật pháp đơn thuần. Bởi vậy, trong quá trình xây dựng và thực thi hệ thống luật pháp về quyền SHTT, một mặt, Việt Nam phải cố

gắng đạt tới các chuẩn mực quốc tế, mặt khác cần phải tìm cách kiềm chế ở mức thấp nhất những tác động tiêu cực ban đầu do việc phải bảo hộ quyền SHTT của các chủ thể nước ngoài. Nói cách khác, đó là việc chỉ áp dụng các yêu cầu bảo hộ trong phạm vi hẹp nhất có thể, đồng thời khôn khéo áp dụng các bảo lưu, giới hạn, ngoại lệ đối với quyền ở phạm vi rộng nhất có thể. Bởi vì việc quy định phạm vi quyền quá rộng và giới hạn quyền quá hẹp cũng có nghĩa là lợi ích quốc gia không thể được đảm bảo, vì tuyệt đại đa số người có quyền được bảo hộ là chủ thể nước ngoài³. Ngoài ra, ở một mức độ nhất định, cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước có thể dễ bắt chước công nghệ tiên tiến của các nước khác. Kinh nghiệm của Đài Loan, Hàn Quốc trong các thập niên 1960, 1970 và 1980 về nhập khẩu và sao chép công nghệ, hay của Nam Phi và Braxin về chế tác các loại dược phẩm đã cho thấy tác dụng của cách tiếp cận này. Điều đó đòi hỏi Việt Nam phải khai thác được sự linh hoạt và những ngoại lệ mà Hiệp định TRIPs cho phép, nhất là những quy định về đối xử đặc biệt và khác biệt dành cho các nước kém và đang phát triển, để có thể đạt được lợi ích tối đa từ việc thực thi Hiệp định và giảm thiểu những bất lợi thế mà Hiệp định có thể đem lại. Quả thực, đây là vấn đề cũng quan trọng và nan giải không kém việc phải đổi mới hệ thống pháp luật về quyền SHTT cho phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế, và điều này đòi hỏi Việt Nam phải có các chuyên gia giỏi trong lĩnh vực luật pháp SHTT để có thể đưa ra những chính sách khôn ngoan để đạt được cả hai mục tiêu đầy khó khăn nói trên.

3. Các nhóm giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ theo hướng hội nhập quốc tế và phục vụ mục tiêu phát triển của Việt Nam

3.1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền SHTT theo hướng tuân thủ các quy định của Hiệp định TRIPs

- *Bổ sung các quy định pháp luật giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình*

thực hiện Luật SHTT. Luật SHTT 2005 là sự tổng hợp các quy định liên quan đến SHTT từ nhiều văn bản pháp luật. Có thể nói, đây là một văn bản khá toàn diện, mang tính tổng hợp cao, đồng thời khá đầy đủ và cụ thể. Rất nhiều quy phạm pháp luật cụ thể đến mức có thể thi hành ngay đã được thể hiện trong Luật. Trong thời gian tới, tùy theo yêu cầu cụ thể của từng lĩnh vực, các Bộ có thể ban hành các thông tư để hướng dẫn giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện. Hệ thống văn bản này có thể bảo đảm cho việc thực thi các quy định của Luật SHTT được tiến hành đồng bộ, bảo đảm tính khả thi của đạo luật trên thực tế. Việc xây dựng một khung pháp lý hoàn thiện về bảo hộ SHTT với đầy đủ các quy định quản lý, các chế tài xử phạt... để áp dụng trong thực tiễn là rất cần thiết. Điều đó không chỉ nâng cao hiệu lực bảo hộ SHTT mà còn đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- *Từng bước chỉnh sửa lại một số quy định của Luật SHTT cho phù hợp với Hiệp định TRIPs.* So với các chuẩn mực của Hiệp định TRIPs, Luật SHTT 2005 vẫn còn một số điểm chưa hoàn toàn tương thích mà nguyên nhân xuất phát từ nhu cầu tự vệ, bảo hộ nền kinh tế đang phát triển ở trình độ thấp trước các quy định khắt khe của Hiệp định TRIPs. Điều này hoàn toàn chính đáng đối với một nước đang phát triển như Việt Nam. Tuy nhiên, khi bước chân vào sân chơi WTO, nghĩa là Việt Nam phải chấp nhận luật chơi của quốc tế, những quy định tự bảo vệ cho Việt Nam như trên lại vi phạm nguyên tắc của Hiệp định. Chính vì vậy, Việt Nam cần chuẩn bị có sự sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện Luật SHTT 2005 sao cho phù hợp nhất với các cam kết quốc tế, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực (có thể) đối với nền kinh tế quốc gia trong thời gian đầu thực thi Hiệp định TRIPs.

- *Tham gia các công ước quốc tế về SHTT.* Việt Nam cần phải có kế hoạch chuẩn bị gia nhập một số công ước quốc tế khác theo quy định của Hiệp định TRIPs, như Công ước Rome và Công ước UPOV về Bảo hộ giống cây trồng mới.

- *Quy định về tên miền Internet.* Hiện nay, có một vấn đề quyền SHTT rất quan trọng đang nổi lên mà Hiệp định TRIPs chưa đề cập tới, đó là tên miền trên Internet. Tuy nhiên, nhận thức được ý nghĩa của vấn đề này, nhiều quốc gia đã có các quy định luật pháp điều tiết các quyền SHTT đối với tên miền. Do tên miền chứa đựng nhiều thông tin liên quan đến tên, nhãn hiệu của công ty nên tên miền không được coi như một địa chỉ thuần túy. Ngay từ khi mới ra đời tên miền đã được coi là tài sản của doanh nghiệp và việc đăng ký tên miền vì mục đích thương mại đã diễn ra. Đối với vấn đề tên miền Internet, Việt Nam cần có các quy định pháp luật cụ thể, có thể bổ sung vấn đề này vào một nghị định thích hợp mà Chính phủ đã ban hành.

3.2. Tăng cường hiệu lực thực thi các quy định về bảo hộ quyền SHTT

3.2.1. Các nhóm biện pháp nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về quyền SHTT

- *Giáo dục, đào tạo và phổ biến pháp luật về quyền SHTT nhằm tạo dựng nền văn hoá SHTT.* Trong tất cả các lĩnh vực, để có thể thực hiện thành công, thì yếu tố con người luôn luôn đóng vai trò cốt yếu. Chính vì vậy, công tác giáo dục, đào tạo và phổ biến pháp luật về quyền SHTT là rất cần thiết. Điều quan trọng là phải tạo ra được nhận thức chúng về quyền SHTT, từ người dân cho đến các doanh nghiệp và công chức nhà nước. Do vậy, cần có sự phân chia đối tượng và tiến hành các hình thức giáo dục, tuyên truyền phù hợp cho từng loại nhằm nâng cao nhận thức của họ về việc cần phải tôn trọng các nội dung của quyền SHTT. Về vấn đề này, mô hình của Trung Quốc là rất đáng lưu ý; đó là đưa các chương trình giáo dục về quyền SHTT vào các trường học các cấp, và tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- *Tăng cường khả năng nhận thức của doanh nghiệp đối với vấn đề quyền SHTT.*: Các doanh nghiệp phải ý thức được trách

nhiệm và quyền lợi của mình trong vấn đề bảo hộ quyền SHTT và phải coi tài sản trí tuệ của mình là tài sản quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nếu không họ sẽ bị thua thiệt rất nhiều. Vấn đề này càng trở nên cấp bách khi doanh nghiệp bước ra thị trường thế giới. Thí dụ về việc thương hiệu của các công ty lớn như Vinataba, Cà phê Trung nguyên đã bị các hãng nước ngoài đăng ký trước tại các thị trường nước ngoài là những bài học cụ thể mà các doanh nghiệp Việt Nam cần rút kinh nghiệm. Ngoài ra, để giành lại quyền SHTT hợp pháp bị xâm hại, các doanh nghiệp cần lưu trữ hồ sơ (có liên quan tới quá trình sáng tạo) cẩn thận. Đây được coi là một biện pháp hữu hiệu để chứng minh trước tòa án rằng những sản phẩm trí tuệ đang là đối tượng tranh chấp chính là tài sản trí tuệ của họ.

Để các doanh nghiệp có thể hiểu thấu đáo vấn đề quyền SHTT, bên cạnh sự nỗ lực của chính bản thân doanh nghiệp, cần có sự hỗ trợ đồng bộ của Chính phủ như: xây dựng hệ thống thông tin thường xuyên về các nội dung liên quan đến quyền SHTT, đưa các hệ thống thông tin này lên mạng Internet để các doanh nghiệp có thể thực hiện xác lập quyền SHTT một cách tốt nhất. Hiện nay, Chính phủ đang thực hiện chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp. Đây là một chương trình lớn được thực hiện từ 2005 tới 2010 với mục tiêu nâng cao nhận thức và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam trong việc tạo ra, khai thác, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ nhằm nâng cao sức cạnh tranh.

- *Tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp về vấn đề quyền SHTT.* Cùng với việc tăng cường nhận thức của doanh nghiệp về tầm quan trọng của bảo hộ quyền SHTT, thì việc đẩy mạnh hoạt động tư vấn về quyền SHTT là một hoạt động rất cần thiết và có tác động trực tiếp tới sự hình thành, khai thác và bảo vệ quyền SHTT của doanh nghiệp. Mỗi một doanh nghiệp cần có tư vấn về các vấn đề về quyền SHTT liên quan

đến việc tiếp cận của họ tới thị trường thế giới, cũng như giải quyết các vấn đề SHTT trong thị trường nội địa của các doanh nghiệp đó. Ngoài ra, về bản quyền và các quyền liên quan, cần thiết phải có các tổ chức chuyên nghiệp có chức năng tư vấn, làm trung gian cho các nhà xuất bản trong việc giao dịch, thỏa thuận các vấn đề về bản quyền và các quyền liên quan với các đối tác nước ngoài. Trường hợp một số nhà xuất bản Việt Nam bị phía nước ngoài kiện vì vi phạm bản quyền trong thời gian qua là những bài học cần được các nhà xuất bản nghiêm túc rút kinh nghiệm.

- *Thúc đẩy vai trò của các tổ chức xã hội hỗ trợ thực hiện bảo hộ quyền SHTT.* Để đổi mới và hoàn thiện bộ máy thực thi việc bảo hộ quyền SHTT, vai trò của các tổ chức xã hội có ý nghĩa rất quan trọng. Ở các nước có nhiều hiệp hội như Hiệp hội đại diện Patent châu Á (APAA), Hiệp hội nhãn hiệu hàng hoá Cộng đồng châu Âu (ECTA), Hội nhãn hiệu hàng hoá quốc tế (INTA),... Các hiệp hội này hỗ trợ cho các cơ quan chính phủ nhằm bảo đảm thực thi có hiệu quả quyền SHTT. Ở Việt Nam, một số tổ chức như Trung tâm bảo vệ quyền tác giả đã đi vào hoạt động và bắt đầu phát huy tác dụng. Thực tế nhiều nước cho thấy rằng, hoạt động tư vấn, dịch vụ về pháp luật quyền SHTT có ý nghĩa quan trọng trong việc xã hội hoá các dịch vụ về quyền SHTT. Vì vậy, việc tiếp tục nâng cao năng lực của các tổ chức tư vấn và mở rộng các dịch vụ về quyền SHTT là một điều kiện cần thiết để thực thi có hiệu quả việc bảo hộ quyền SHTT. Trong thời gian tới, việc xã hội hoá công tác bảo hộ quyền SHTT cần được tăng cường hơn nữa thông qua việc huy động tiềm năng của tất cả lực lượng xã hội vào công tác này.

3.2.2. Các nhóm biện pháp nhằm đổi mới và nâng cao năng lực của các cơ quan đảm bảo thực thi quyền SHTT

- *Thiết lập một cơ quan thống nhất quản lý về quyền SHTT, kiện toàn hệ thống quản lý nhà nước về SHTT từ trung ương đến cơ*

sở. Đây là vấn đề cần thiết bởi lẽ các hoạt động liên quan đến quyền SHTT diễn ra và tác động tới tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, công nghệ. Nguyên tắc điều chỉnh các hoạt động đó cần thống nhất và quy về một mối. Việc quy về một mối các cơ quan quản lý về quyền SHTT sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các chủ thể quyền với các thủ tục xác lập quyền đơn giản và thuận tiện hơn, đồng thời giúp thực thi tốt hơn luật về quyền SHTT, tránh được sự chồng chéo về chức năng giữa các cơ quan quản lý. Về khía cạnh này, kinh nghiệm của Xingapo là đáng được tham khảo.

- *Tăng cường năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý và thực thi quyền SHTT.*

+ Đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác quản lý nhà nước và thực thi về quyền SHTT: cần xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhân lực hoạt động trong lĩnh vực quyền SHTT phù hợp với các đối tượng khác nhau như cán bộ tòa án, và các cán bộ chuyên trách quản lý lĩnh vực quyền SHTT ở các cấp từ trung ương đến địa phương và doanh nghiệp.

+ Tăng cường năng lực của tòa án và lực lượng hải quan: các tòa án cần được trao quyền sử dụng những công cụ, các biện pháp chế tài đủ mạnh để ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền SHTT và phải trở thành cơ quan chủ yếu trong việc giải quyết tranh chấp về quyền SHTT; cần có chương trình đào tạo một đội ngũ thẩm phán và luật sư có năng lực chuyên môn cao về vấn đề quyền SHTT. Các tòa án cần triển khai ngay việc nghiên cứu các vấn đề nảy sinh phức tạp trong quá trình xét xử các tranh chấp về quyền SHTT như định giá tài sản trí tuệ, xác định các thiệt hại do những vi phạm quyền SHTT gây ra...

Về phía ngành hải quan, cần tăng cường việc thực thi quyền SHTT tại biên giới, bởi đây là một biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền SHTT. Việt Nam cần phối hợp hoạt động với Tổ chức Hải quan thế giới để giải quyết và thực thi quyền

SHTT. Tổ chức này đã ban hành các văn bản pháp lý về hải quan để giúp cho các thành viên trong việc tổ chức thực hiện các quy định của Hiệp định TRIPs.

+ Kiện toàn hệ thống thông tin về vấn đề quyền SHTT: cần thiết phải xây dựng và hoàn thiện các công cụ tra cứu phù hợp với tập quán quốc tế và với điều kiện của Việt Nam. Mặt khác, cần đầu tư cho việc cải cách và *hiện đại hóa hệ thống thông tin tư liệu về quyền SHTT* nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu các thông tin liên quan đến SHTT như nhãn hiệu, thương hiệu, tránh trùng lặp trong cấp văn bằng bảo hộ. Ngoài ra, các cơ quan quản lý và thực thi quyền SHTT cần chú trọng tới việc tổ chức, biên soạn các tài liệu hướng dẫn, giải thích về lý luận chính sách pháp luật và thực tiễn lĩnh vực quyền SHTT.

- *Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quyền SHTT.* Là một nước đang phát triển, Việt Nam thiếu cả nguồn lực cũng như kinh nghiệm để thực thi quyền SHTT. Do vậy, Việt Nam rất cần đến sự hỗ trợ, hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm từ phía các nước trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt là các nước phát triển. Nếu không biết tận dụng và khai thác triệt để sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế về nguồn nhân lực, vật lực cũng như học hỏi kinh nghiệm thực thi quyền SHTT các nước thì sẽ còn phải rất lâu nữa Việt Nam mới bắt kịp với khu vực và thế giới trong lĩnh vực này. Thông qua các chương trình hợp tác song phương và đa phương, năng lực của hệ thống pháp luật bảo hộ quyền SHTT của Việt Nam sẽ được nâng cao ở bốn nội dung pháp lý, quản lý, thực thi luật pháp và nâng cao nhận thức.

3.3. Khai thác các quy định mềm dẻo và ngoại lệ của Hiệp định TRIPs phục vụ các mục tiêu phát triển

Là một nước đang bắt đầu tiến hành quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Việt Nam cần phải cố gắng tận dụng các quy

định mềm dẻo và những ngoại lệ của Hiệp định TRIPs và khôn khéo "lách" các quy định để tối đa hoá lợi ích từ việc bảo hộ quyền SHTT, tránh phải chịu những thiệt thòi không đáng có. Việt Nam có thể hiện thực hoá được mục tiêu này trong một số lĩnh vực sau:

- *Thực thi việc bảo hộ văn học nghệ thuật dân gian.* Nguồn di sản văn học dân gian của Việt Nam được đánh giá là phong phú, có giá trị lớn, vì vậy, việc bảo tồn, phát triển và khai thác kho tàng đó có ý nghĩa rất quan trọng. Do Công ước Bern không đặt ra vấn đề bảo hộ và cũng không cấm bảo hộ các tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian khuyết danh sau 50 năm kể từ khi các tác phẩm đó được công bố, nên các nước có thể đặt ra quy định bảo hộ cho các tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian của mình. Theo quy định tại điều 23 khoản 2, Luật SHTT 2005, vô hình chung Việt Nam đã tạo điều kiện cho nước khác hưởng lợi trong khi làm tổn hại đến lợi ích kinh tế của cộng đồng đã có công đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian⁴. Vấn đề này cần được xem xét nghiêm túc và cần có sự sửa đổi và bổ sung theo hướng phải bảo hộ các tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian.

- *Khai thác quy định dành cho các nước đang phát triển cho phép sao chép, dịch tác phẩm nước ngoài.* Công ước Bern quy định cho phép các nước đang phát triển sao chép, dịch tác phẩm nước ngoài trong một số trường hợp để đáp ứng nhu cầu của công chúng mà không cần sự đồng ý của người có bản quyền. Trên thực tế, đây là một quy định có lợi cho các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam, do vậy, cần phải tận dụng ngoại lệ này ở mức nhiều nhất có thể. Ưu đãi này có giá trị trong vòng 10 năm tính từ lúc gia nhập Công ước. Song, kể từ khi Công ước Berne có hiệu lực ở Việt Nam, gần như không có đơn vị nào sử dụng đến quyền ưu tiên này. Họ vẫn giao dịch, thỏa thuận tác quyền với các đối tác gần như là sòng phẳng, nên giá bản quyền mua được

vẫn cao ở mức từ 8% trở lên. Nếu so với mức giá Philipin đã mua là 3% thì các đơn vị của Việt Nam cần phải học tập.

- *Thu hẹp giới hạn cấp bằng sáng chế.* Do Hiệp định TRIPs không cho phép can thiệp vào cách mà mỗi nước giải thích các điều khoản của Hiệp định này và Hiệp định TRIPs quy định các tiêu chuẩn tối thiểu nhưng không quy định mức trần đối với những thứ có thể được cấp bằng sáng chế, vì vậy, Việt Nam có thể căn cứ vào nhu cầu của đất nước và trình độ phát triển của các ngành để áp dụng cho phù hợp. Chẳng hạn, Achentina, Braxin và một số nước khác ở Nam Mỹ không cấp bằng sáng chế đối với vật liệu được tìm thấy trong tự nhiên, ngay cả khi tìm thấy ở một nơi rất biệt lập, vì nó không đáp ứng được yêu cầu của "các sáng chế".

- *Khai thác quy định "cấp phép bắt buộc" (hay còn gọi là lixăng bắt buộc) để giảm bớt sự độc quyền của chủ sở hữu tài sản trí tuệ.* Điều 31 Hiệp định TRIPs quy định chính phủ hoặc bên thứ ba được phép của chính phủ có thể sử dụng các sáng chế trong các tình huống khẩn cấp hoặc trong những trường hợp sử dụng công cộng không mang tính thương mại với một số điều kiện nhất định mà không cần phải có sự đồng ý của người nắm giữ quyền SHTT. Quy định cấp phép bắt buộc này có thể coi như một giải pháp cho phép Chính phủ hạn chế sự độc quyền của người nắm giữ quyền, nhất là trong lĩnh vực được phẩm với các loại thuốc điều trị các bệnh như HIV/AIDS, để có thể sản xuất các sản phẩm phục vụ dân sinh với giá rẻ hơn rất nhiều so với mức phải trả tiền bản quyền. Kinh nghiệm của Nam Phi về vấn đề này rất đáng được tham khảo.⁵

Từ quan điểm và cách tiếp cận như đã nêu ở trên về tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền SHTT nhằm phù hợp với xu thế hội nhập nói chung và Hiệp định TRIPs nói riêng, vấn đề đặt ra hiện nay đối với Việt Nam là phải tích cực thực hiện các cam kết quốc tế về quyền SHTT, đặc biệt là trong những lĩnh vực mà

sự bảo hộ quyền SHTT hiệu quả sẽ đem lại lợi ích lớn cho người dân và cộng đồng doanh nghiệp, và tăng cường thực thi các biện pháp nhằm hạn chế những thiệt hại liên quan đến việc không đánh giá đúng hoặc không hiểu biết thấu đáo các vấn đề về quyền SHTT. Bên cạnh đó, Việt Nam cần khai thác triệt để và có hiệu quả các quy định linh hoạt và các ngoại lệ của Hiệp định TRIPs nhằm phục vụ các mục tiêu phát triển. Để thành công, Việt Nam phải có những nỗ lực vượt bậc trong nhiều lĩnh vực để nắm bắt những cơ hội và giảm thiểu những tác động tiêu cực trong quá trình thực thi các quy định pháp luật về bảo hộ quyền SHTT. □

1. Theo *Thời báo kinh tế Sài Gòn*, số 38, 2005.
2. Nguyễn Tú Anh (2005), *Gia nhập WTO và các vấn đề liên quan đến bảo vệ quyền SHTT ở Việt Nam*, Tạp chí Quản lý kinh tế, Số 3, trang 46.
3. Phạm Duy Nghĩa (2005), *Tản mạn về Dự luật SHTT*, Tạp chí Tia sáng, số 16.
4. Theo Cù Huy Hà Vũ (2006).
5. Luật về thuốc chữa bệnh của nước này đã tận dụng được những quy định mềm dẻo của Hiệp định TRIPs để bắt buộc các chủ sở hữu phải cấp giấy phép hoặc cho phép nhập khẩu hàng tương đương đối với thuốc (nhập khẩu các phiên bản gốc hoặc phiên bản cùng loại mà không cần có ủy quyền của người sở hữu bằng sáng chế). Luật cũng cho phép Bộ trưởng y tế thu hồi quyền về bằng sáng chế thuốc chữa bệnh ở Nam Phi nếu các thuốc đó được cho là quá đắt. Mặc dù đây có thể là các quy định quá nặng, song luật của Nam Phi vẫn có thể được cho là phù hợp với Hiệp định TRIPs (Ngân hàng Thế giới, 2004).

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đại học Quốc gia Hà Nội và Viện Konrad Adenauer (2004), *Việt Nam và tiến trình gia nhập WTO*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
2. Kamil Idris (2004), *Sở hữu trí tuệ- một công cụ phát triển kinh tế hữu hiệu*, Cục Sở hữu trí tuệ.
3. Lê Hồng Hạnh (2004), *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam: những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Lê Xuân Thảo (2005), *Đổi mới và hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

5. Michalopoulos C. (2001), *Developing countries in the WTO*, Palgrave, New York.
6. Ngân hàng thế giới (2004), *Sổ tay về phát triển, thương mại và WTO*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Nguyễn Bá Diên (2006), "Các nguyên tắc cơ bản của cơ chế thực thi quyền sở hữu trí tuệ", Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 1.
8. Nguyễn Thanh Tâm, *Tính thương mại của quyền sở hữu công nghiệp*, Tạp chí Thương mại, Số 45, 2003.
9. Nguyễn Tú Anh (2005), "Gia nhập WTO và các vấn đề liên quan đến bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam", Tạp chí Quản lý Kinh tế, số 3.
10. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội (2006), *Tìm hiểu Luật Sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
11. Quốc Đạt, (2005), *Giải đáp các vấn đề về thủ tục gia nhập WTO*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
12. South Center (2006), *The use of flexibilities in TRIPs by developing countries*, Geneva.
13. Thomas G. Field (2006), *What is intellectual property?* <http://vietnamese.usembassy.gov>
14. Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế (2004), *Tìm hiểu Tổ chức thương mại thế giới (WTO)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội
15. Wang Mengkui (2002), *China: accession to the WTO and economic reform*, Foreign Languages Press Beijing.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU...

(tiếp theo trang 76)

Kể từ ngày 1/1/2007, Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành. Theo đó dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết thi hành Luật đang được xây dựng. Tác giả bài viết có một số trao đổi và đề xuất đối với một số nội dung của dự thảo Nghị định như sau:

- Một công ty đáp ứng đủ các tiêu chuẩn niêm yết nên cho phép được niêm yết cổ phiếu trên cả hai Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Bởi vì cả hai Trung tâm này đang được nâng cấp, đều cùng tiêu chuẩn quản lý giám sát như nhau. Trong tương lai gần, hai trung tâm này được kết nối với nhau, tức là kết nối giữa hai thị trường, bao gồm cả hợp nhất hệ thống báo cáo giao dịch và yết giá giao dịch.

- Một trong số các điều kiện niêm yết của công ty cổ phần trên Sở giao dịch chứng khoán là không có nợ quá hạn, nên chuyển thành quy định nợ quá hạn chưa được trích lập quỹ dự phòng rủi ro. Bởi vì phần lớn các

công ty, nhất là các NHTM cổ phần, công ty cho thuê tài chính cổ phần,... đều có nợ quá hạn. Vấn đề là nợ quá hạn đó đã được trích lập dự phòng rủi ro theo quy định và theo thông lệ quốc tế hay chưa.

- Một điều kiện để thành lập công ty quản lý quỹ là phải có vốn (điều lệ) 30 tỷ đồng là quá cao. Bởi vì đây là loại hình doanh nghiệp có hoạt động đòi hỏi hàm lượng chất xám và trình độ quản lý cao, do vậy, nếu quy định điều kiện phải có số vốn lớn có thể làm nản lòng các doanh nhân trong thành lập loại hình doanh nghiệp này. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Trang Web của một số Công ty chứng khoán: www.ssi.com.vn; bvsc.com.vn
2. Báo cáo của UBCKNN và trang Web của một số NHTM: www.acb.com.vn; www.saombank.com.vn, www.eab.com.vn; www.vpbank.com.vn
3. Thông tin của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội, TP.HCM: www.hastc.org.vn; www.hostc.org.vn

